TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **27**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 3 – 2023.
V/v "tranh chấp ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và ông Phan Công Rô

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt –Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 225/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2023/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Thị Kim L, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Danh N, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ T, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

(Chị L có mặt, anh N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án chị Thị Kim L trình bày như sau:

Chị L và anh N chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương ngày 16/9/2008 âm lịch,

nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống khiến cho cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên thường xuyên cự cải bất hòa, chồng thường xuyên nhậu nhẹt, có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, hai bên đã hàn gắng nhiều lần nhưng không được, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Chị L yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Thị Kim L, sinh ngày 08/4/2009, chị L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị L không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn anh Danh N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa nên không ghi nhận ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký, các bên đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng của chị L đối với anh N là có căn cứ chấp nhận theo khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung: Giao cháu Thị Kim L, sinh ngày 08/4/2009 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng (Theo nguyện vọng của cháu Kim L). Về tài sản chung và nợ: Không có yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị L xin ly hôn với anh N, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28,

điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn vắng mặt không lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án, anh N vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của chị L, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh N chung sống với nhau vào năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 16/9/2008 âm lịch, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân giữa anh chị là không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, nay chị L yêu cầu chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh N, chị L và anh N cùng có nơi cư trú tại xã Đông Thái, huyện An Biên và đã cung cấp giấy xác nhận chưa đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thống nhất tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thị Kim L và anh Danh N.

[4] Về con chung: Chị L xác nhận có 01 người con chung tên Thị Kim L, sinh ngày 08/4/2009. Cháu Kim L có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị L. Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Loan và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình giao cháu Thị Kim L cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị L phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về ý kiến phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và đề nghị hướng giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát huyện An Biên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận, nên Hội đồng xét xử đã xem xét và ghi nhận trong quá trình giải quyết vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị chị Thị Kim L và anh Danh N.

2. Về con chung: Giao cháu Thị Kim L, sinh ngày 08/4/2009 (Theo nguyện vọng cháu Kim L) cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, ghi nhận việc chị L không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản, tuy nhiên anh N không được lạm dụng quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Thị Kim L có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0003607 ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy chị Thị Kim L đã nộp xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh N vắng mặt tại phiên tòa thì được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- CC-THADS huyện;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn (V).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm